

Số: 1064/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TU ngày 05/8/2025 của Thường trực Tỉnh ủy về định hướng phát triển giáo dục trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ về phát triển giáo dục, đào tạo tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 45/TTr-SGD&ĐT ngày 27/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Trưởng các Ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

ĐỀ ÁN
“ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI VÀ
TĂNG CƯỜNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ GIAI
ĐOẠN 2026-2035, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
PHÚ THỌ”

Phú Thọ, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

Mục	Nội dung	Trang
	Phần thứ nhất SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
I	SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
II	CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	4
	Phần thứ hai THỰC TRẠNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021-2025	5
I	THỰC TRẠNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH	5
II	HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ, TIẾNG ANH NGOÀI NHÀ TRƯỜNG	12
III	ĐÁNH GIÁ CHUNG	14
IV	NGUYÊN NHÂN	14
	Phần thứ ba QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	15
I	QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI	15
II	MỤC TIÊU	16
III	NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	23
	Phần thứ tư LỘ TRÌNH – TỔ CHỨC THỰC HIỆN	26
I	LỘ TRÌNH THỰC HIỆN	26
II	KINH PHÍ THỰC HIỆN	26
III	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	27
	PHỤ LỤC	29

ĐỀ ÁN

“Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1064/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, đã trở thành công cụ quan trọng để tiếp cận tri thức, khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh của địa phương. Việc phát triển năng lực ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên không chỉ là yêu cầu của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo mà còn là điều kiện quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, phát triển du lịch và hội nhập quốc tế của tỉnh Phú Thọ.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là định hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, công tác dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng, quy mô người học ngày càng tăng; chất lượng dạy và học ngoại ngữ từng bước được cải thiện; một số mô hình dạy học ngoại ngữ, hoạt động trải nghiệm, giao lưu quốc tế bước đầu được triển khai tại các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới, công tác dạy và học ngoại ngữ của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế như: đội ngũ giáo viên còn thiếu và chưa đồng đều về năng lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu; môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường còn hạn chế; chất lượng học sinh giữa các vùng còn chênh lệch; việc ứng dụng công nghệ và xây dựng hệ sinh thái học tập ngoại ngữ chưa đồng bộ.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và triển khai Đề án phát triển dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là hết sức cần thiết, nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng dạy và học ngoại ngữ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh trong giai đoạn mới.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Kết luận số 18-KL/TU ngày 05/8/2025 của Thường trực Tỉnh ủy về định hướng phát triển giáo dục trong thời kỳ mới.

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ về phát triển giáo dục, đào tạo tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045;

- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo; số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học; số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở; số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông;...

- Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. THỰC TRẠNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH

1. Quy mô, mạng lưới trường lớp dạy và học ngoại ngữ, tiếng Anh

Tỉnh Phú Thọ hiện có mạng lưới cơ sở giáo dục được quy hoạch tương đối đồng bộ, bảo đảm đầy đủ các cấp học, trình độ đào tạo từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học. Đây là điều kiện quan trọng để triển khai các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục, trong đó có việc tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh từng bước trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Toàn tỉnh hiện có 1.965 cơ sở giáo dục, gồm: 708 trường mầm non; 441 trường tiểu học; 612 trường trung học cơ sở; 137 trường trung học phổ thông; 33 trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; 30 trường cao đẳng, trung cấp; 04 trường đại học và 01 phân hiệu đại học.

Mạng lưới cơ sở giáo dục tạo nền tảng quan trọng để tổ chức dạy và học ngoại ngữ trên phạm vi toàn tỉnh. Những năm qua, công tác dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, đã có bước chuyển biến tích cực. Quy mô người học tiếp tục được mở rộng; nhận thức của xã hội, của phụ huynh và người học về vai trò của tiếng Anh trong học tập, việc làm và hội nhập quốc tế ngày càng được nâng lên. Một số cơ sở giáo dục đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; chủ động tổ chức các hoạt động giao lưu, trải nghiệm, câu lạc bộ tiếng Anh, bước đầu hình thành môi trường học tập ngoại ngữ trong nhà trường.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy việc phát triển dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế. Mặt bằng chất lượng giữa các vùng còn chênh lệch khá rõ, đặc biệt giữa khu vực đô thị, đồng bằng với miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ giáo viên tiếng Anh còn thiếu về số lượng, chưa đồng đều về năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ sinh thái học tập ngoại ngữ theo định hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục. Cụ thể:

a) Giáo dục mầm non

Toàn tỉnh hiện có 708 trường mầm non, trong đó 376 trường tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh, đạt 53,1%. Việc triển khai có sự khác biệt khá rõ giữa các vùng: vùng thuận lợi: 233/290 trường, đạt 80,3%; vùng khó khăn: 120/311 trường, đạt 38,6%; vùng đặc biệt khó khăn: 23/107 trường, đạt 21,5%.

Kết quả trên cho thấy hoạt động làm quen với tiếng Anh tại bậc mầm non đã được triển khai và từng bước mở rộng, đặc biệt tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi. Nhiều cơ sở giáo dục (CSGD) đã chủ động tổ chức các hoạt động làm quen với tiếng Anh thông qua các hình thức học tập, trải nghiệm phù hợp với lứa tuổi, góp phần bước đầu hình thành sự hứng thú và nền tảng tiếp cận ngoại ngữ cho trẻ.

Tuy nhiên, việc triển khai còn chưa đồng đều giữa các vùng, phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn lực của địa phương. Hiện nay chưa có vị trí việc làm giáo viên tiếng Anh trong cơ cấu biên chế giáo dục mầm non, việc tổ chức dạy học chủ yếu thông qua hình thức hợp đồng hoặc liên kết với các trung tâm ngoại ngữ nên thiếu tính ổn định và bền vững.

Nguồn kinh phí thực hiện phần lớn dựa vào xã hội hóa và đóng góp của cha mẹ trẻ, dẫn đến sự chênh lệch đáng kể trong điều kiện tổ chức giữa các khu vực. Công tác quản lý, kiểm tra hoạt động liên kết còn gặp khó khăn do đội ngũ cán bộ quản lý mầm non chưa được đào tạo chuyên sâu về ngoại ngữ; nhận thức của một bộ phận phụ huynh về vai trò của việc làm quen với tiếng Anh ở lứa tuổi mầm non còn chưa đầy đủ, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn.

b) Giáo dục tiểu học

Toàn tỉnh có 665/665 cơ sở giáo dục có cấp tiểu học tổ chức dạy học môn tiếng Anh, đạt 100%. Số học sinh học tiếng Anh bắt buộc từ lớp 3 đến lớp 5 là 200.566/200.566 học sinh, đạt 100%. Đối với lớp 1 và lớp 2, việc tổ chức dạy học tiếng Anh tự chọn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai tại nhiều trường: Lớp 1: 40.593/65.311 học sinh, đạt 62,1% Lớp 2: 40.289/62.601 học sinh, đạt 64,3%. Tổng số học sinh tiểu học được học tiếng Anh đạt 281.448/328.478 học sinh, chiếm 85,7%.

Nhìn chung, việc triển khai dạy học tiếng Anh ở cấp tiểu học đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm thực hiện đúng quy định của chương trình giáo dục phổ thông. Nhiều nhà trường đã quan tâm tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, câu lạc bộ tiếng Anh, tạo môi trường rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh. Học sinh tiểu học nhìn chung có thái độ tích cực và hứng thú với việc học tiếng Anh. Tuy nhiên, việc dạy học tiếng Anh tự chọn ở lớp 1, lớp 2 chưa được triển khai đồng đều giữa các địa phương, chủ yếu tập trung tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi; khả năng tiếp cận ngoại ngữ sớm của học sinh giữa các vùng vẫn còn khoảng cách.

c) Giáo dục trung học

Công tác dạy và học ngoại ngữ ở cấp trung học được triển khai đồng bộ theo Chương trình giáo dục phổ thông. Toàn tỉnh có: 631/631 trường có cấp THCS, đạt 100%, tổ chức dạy học tiếng Anh; 137/137 trường THPT, đạt 100%, triển khai dạy học tiếng Anh. Số học sinh học tiếng Anh: THCS: 291.649/291.649 học sinh, đạt 100%; THPT: 123.335/123.878 học sinh, đạt 99,56%. Một số CSGD đã chủ động đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh và các hoạt động giao lưu, trải nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

Tuy nhiên, chất lượng dạy và học tiếng Anh giữa các CSGD và giữa các vùng còn chênh lệch. Năng lực giao tiếp tiếng Anh của học sinh nhìn chung còn hạn chế, đặc biệt ở các kỹ năng nghe và nói; nhiều học sinh thiếu tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tiễn. Ở một số CSGD, phương pháp dạy học vẫn còn thiên về truyền thụ kiến thức ngữ pháp, phục vụ thi cử, chưa thực sự chú trọng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách toàn diện.

Việc dạy và học các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh còn rất hạn chế, chủ yếu tập trung tại các trường THPT chuyên. Tổng số học sinh học các ngoại ngữ khác là 543/123.878 học sinh, chiếm 0,44%, trong đó: Tiếng Nga: 103 học sinh (0,08%); Tiếng Pháp: 300 học sinh (0,24%); Tiếng Trung: 105 học sinh (0,08%); Tiếng Nhật: 35 học sinh (0,03%). Điều này cho thấy cơ cấu ngoại ngữ trong giáo

dục phổ thông của tỉnh còn chưa đồng đều, chưa tương xứng với yêu cầu đa dạng hóa ngoại ngữ phục vụ hội nhập và phát triển nguồn nhân lực.

d) Giáo dục thường xuyên

Toàn tỉnh hiện có 33 trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX), giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX), trong đó 07 trung tâm tổ chức giảng dạy tiếng Anh (là môn học tự chọn), chiếm 21,2%. Số học viên học tiếng Anh là 1.693/31.544, đạt 5%. Tỷ lệ này cho thấy việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống GDTX chưa được quan tâm đúng mức, quy mô người học còn rất hạn chế. Đây là khoảng trống cần được quan tâm trong bối cảnh yêu cầu nâng cao năng lực ngoại ngữ của lực lượng lao động ngày càng trở nên cấp thiết.

đ) Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Trên địa bàn tỉnh hiện có 30 trường cao đẳng, trung cấp với 35.601 học sinh, sinh viên; 04 trường đại học và 01 phân hiệu đại học với 27.954 sinh viên. 100% học sinh, sinh viên được học tiếng Anh theo quy định trong chương trình đào tạo, trong đó Trường Đại học Hùng Vương có trên 1.700 sinh viên đại học Ngôn ngữ Trung Quốc. Trong giáo dục nghề nghiệp, tiếng Anh là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chung, chuẩn đầu ra đối với trình độ trung cấp là A1; Trình độ cao đẳng là A2. Trong giáo dục đại học, chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên không chuyên ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; đối với trình độ sau đại học là bậc 4 (B2) hoặc tương đương.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy năng lực sử dụng tiếng Anh của một bộ phận sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế, đặc biệt trong các ngành nghề có yếu tố công nghệ và hợp tác quốc tế.

2. Đội ngũ giáo viên ngoại ngữ và tiếng Anh

Đội ngũ giáo viên ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh đã từng bước được quan tâm phát triển, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, so với yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong giai đoạn mới, đội ngũ giáo viên vẫn còn nhiều hạn chế cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng chuyên môn. Đó là:

- Số lượng giáo viên tiếng Anh còn thiếu so với nhu cầu thực tế, đặc biệt ở cấp tiểu học và trung học cơ sở khi triển khai dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Việc phân bổ giáo viên giữa các địa bàn chưa hợp lý, còn mất cân đối giữa khu vực trung tâm với vùng nông thôn, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tình trạng giáo viên phải dạy liên trường hoặc kiêm nhiệm

nhiều nhiệm vụ vẫn còn xảy ra tại một số CSGD, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức dạy học và công tác bồi dưỡng chuyên môn.

- Năng lực chuyên môn và năng lực ngoại ngữ của một bộ phận giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Khả năng ứng dụng công nghệ số, thiết kế học liệu số, tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh còn hạn chế. Nguồn giáo viên có khả năng dạy học các môn học khác bằng tiếng Anh theo mô hình tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL) hoặc dạy học song ngữ còn rất ít, chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng mô hình giáo dục song ngữ và nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường.

- Đối với khu vực miền núi, vùng khó khăn, giáo viên còn ít cơ hội tham gia các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, giao lưu học thuật và thực hành tiếng Anh trong môi trường thực tế. Ngoài ra, bậc học mầm non và hệ thống GDNN- GDTX chưa có giáo viên ngoại ngữ trong biên chế, khó khăn cho việc tổ chức triển khai các chương trình giáo dục ngoại ngữ theo định hướng lâu dài.

a) Giáo dục mầm non

- Toàn tỉnh hiện có 13.370 giáo viên mầm non. Trong đó, 5.938 giáo viên (34,5%) có trình độ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, chủ yếu ở bậc 1 (1.968 giáo viên) và bậc 2 (3.324 giáo viên). Số giáo viên đạt trình độ từ bậc 3 trở lên còn thấp (646 giáo viên, chiếm khoảng 4,8%), gồm 574 giáo viên đạt bậc 3 và 72 giáo viên đạt bậc 4.

Trong tổng số giáo viên có trình độ tiếng Anh, 72 giáo viên bậc 4 có khả năng tham gia tổ chức hoạt động làm quen với tiếng Anh hoặc dạy song ngữ cho trẻ, tuy nhiên chủ yếu tập trung ở khu vực thuận lợi (50 giáo viên), trong khi khu vực khó khăn chỉ có 22 giáo viên. Hiện nay, giáo viên dạy tiếng Anh tại bậc mầm non chủ yếu là giáo viên hợp đồng tại các cơ sở giáo dục tư thục (15 người); hệ thống trường mầm non công lập chưa có giáo viên ngoại ngữ trong biên chế.

b) Giáo dục tiểu học

Toàn tỉnh hiện có 1.229 giáo viên dạy tiếng Anh cấp tiểu học, cơ bản đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong đó, 1.216 giáo viên có trình độ đại học trở lên (98,9%), 13 giáo viên có trình độ cao đẳng (1,1%).

Tuy nhiên, so với nhu cầu triển khai dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1, toàn tỉnh còn thiếu khoảng 317 giáo viên. Số giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hạn chế (101 giáo viên, chiếm 8,2%), cho thấy dư địa lớn trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ theo chuẩn quốc tế.

c) Giáo dục trung học

Tổng số giáo viên dạy tiếng Anh cấp trung học hiện có 2.343 giáo viên, gồm 1.678 giáo viên THCS và 665 giáo viên THPT. Ngoài ra, cấp THPT có 16 giáo viên dạy các ngoại ngữ khác (03 giáo viên tiếng Nga, 03 giáo viên tiếng Trung, 10 giáo viên tiếng Pháp). Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo cấp học đạt 100%; số giáo viên có trình độ trên chuẩn là 147 người (6,26%). Tuy nhiên, số giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thấp (235 giáo viên, chiếm khoảng 10%). Hiện nay, số giáo viên tiếng Anh còn thiếu khoảng 287 người, gồm 170 giáo viên cấp THCS và 117 giáo viên cấp THPT, ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học và triển khai các chương trình nâng cao chất lượng ngoại ngữ trong nhà trường.

d) Giáo dục thường xuyên

Các trung tâm GDTX và trung tâm GDNN- GDTX trên địa bàn tỉnh hiện có 644 giáo viên, trong đó 29 giáo viên tham gia giảng dạy tiếng Anh. Số giáo viên có trình độ tiếng Anh từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam là 15 người (chiếm khoảng 2,3%), gồm 13 giáo viên đạt Bậc 4 và 02 giáo viên đạt Bậc 5. Về trình độ đào tạo, đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh chủ yếu có trình độ cử nhân (28 người), có 01 thạc sĩ.

đ) Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Tổng số giáo viên, giảng viên giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giáo dục đại học (GDĐH) là 280 người, 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo. Trong đó, khoảng 55% đạt trình độ Bậc 5 hoặc Bậc 6 (tương đương C1, C2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; khoảng 20% có chứng chỉ quốc tế IELTS từ 6.5 đến 8.0 hoặc tương đương. Nhìn chung, đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ tại các cơ sở GDNN và GDĐH cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục nâng cao năng lực giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh và năng lực hội nhập quốc tế.

3. Chất lượng học sinh và kết quả học tập

- Chất lượng học tập môn tiếng Anh của học sinh trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến tích cực trong những năm gần đây, đặc biệt tại khu vực đô thị và các cơ sở giáo dục có điều kiện thuận lợi. Nhiều học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi các cấp, góp phần khẳng định vị thế và chất lượng giáo dục ngoại ngữ của tỉnh. Tuy nhiên, sự chênh lệch về chất lượng học sinh giữa các vùng miền vẫn còn khá rõ rệt, nhất là giữa khu vực đô thị với nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Mặt bằng năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh chưa đồng đều, ảnh hưởng đến mục tiêu nâng cao chất lượng chung và xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường.

- Việc học ngoại ngữ của học sinh hiện nay vẫn chủ yếu phục vụ yêu cầu kiểm tra, đánh giá và thi cử, chưa hình thành thói quen sử dụng tiếng Anh thường

xuyên trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày. Tiếng Anh chưa thực sự trở thành công cụ giao tiếp phổ biến trong nhà trường theo định hướng xây dựng hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh.

- Hoạt động dạy học một số môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh mới chỉ được triển khai thí điểm ở phạm vi hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu do năng lực tiếng Anh của giáo viên các môn khoa học tự nhiên còn hạn chế, đồng thời chưa có chương trình, sách giáo khoa và học liệu chính thức bằng tiếng Anh, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và nhân rộng mô hình.

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2024- 2025, điểm trung bình môn tiếng Anh của tỉnh đạt 5,42, cao hơn 0,04 điểm so với mức trung bình toàn quốc (5,38). Trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2025- 2026, tỉnh Phú Thọ có 47/54 học sinh đạt giải (87%), trong đó: Tiếng Anh: 05 giải Nhì, 07 giải Ba, 11 giải Khuyến khích; Tiếng Nga: 01 giải Nhì, 02 giải Khuyến khích; Tiếng Pháp: 02 giải Nhất, 07 giải Nhì, 05 giải Ba, 02 giải Khuyến khích; Tiếng Trung: 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 03 giải Khuyến khích. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng giải chưa cao, chưa bền vững.

4. Chương trình, phương pháp và môi trường học tập

- Chương trình môn Tiếng Anh tại các cấp học trên địa bàn tỉnh được triển khai thống nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm nội dung, thời lượng và yêu cầu cần đạt theo Chương trình giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, phương pháp dạy học tại một số cơ sở giáo dục vẫn còn thiên về truyền thụ kiến thức, phục vụ kiểm tra và thi cử; chưa chú trọng đúng mức đến việc tạo môi trường thực hành và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong thực tiễn.

- Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn tiếng Anh ở nhiều đơn vị còn nặng về đánh giá kiến thức ngữ pháp và từ vựng; việc đánh giá năng lực giao tiếp theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học và tiệm cận chuẩn quốc tế (CEFR) chưa được triển khai đồng bộ. Việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong kiểm tra, đánh giá còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả trong nâng cao chất lượng và tính khách quan của hoạt động đánh giá.

- Môi trường sử dụng tiếng Anh trong và ngoài lớp học chưa phong phú và thiếu tính thường xuyên; cơ hội giao tiếp và thực hành ngôn ngữ của học sinh còn hạn chế. Các hoạt động giao lưu quốc tế, trao đổi văn hóa, trải nghiệm học tập bằng tiếng Anh chưa được tổ chức nhiều và chưa có chiều sâu.

- Hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục chưa được triển khai phổ biến; mô hình **“trường học sử dụng tiếng Anh”**, **“môi trường song ngữ”** mới chỉ dừng ở phạm vi thí điểm tại một số đơn vị, chưa được nhân

rộng trên toàn địa bàn tỉnh. Vì vậy, hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong nhà trường chưa hình thành rõ nét và bền vững.

5. Cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ phục vụ dạy và học tiếng Anh trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã từng bước được quan tâm đầu tư, góp phần hỗ trợ triển khai chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ. Tuy nhiên, so với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và mục tiêu nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho học sinh, hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng số vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Cụ thể:

- Số lượng phòng học ngoại ngữ chuyên dụng còn thiếu, phân bố chưa hợp lý giữa các cấp học và địa bàn. Nhiều cơ sở giáo dục chưa có phòng học ngoại ngữ riêng; hoạt động dạy học vẫn được tổ chức trong các phòng học dùng chung làm hạn chế khả năng tổ chức các hoạt động luyện nghe, nói và thực hành giao tiếp. Phần lớn các phòng học ngoại ngữ hiện có được đầu tư từ Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025; đến nay nhiều thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng hoặc không còn đáp ứng yêu cầu sử dụng, trong khi chưa được đầu tư nâng cấp, thay thế kịp thời.

- Hạ tầng số phục vụ dạy và học ngoại ngữ chưa được xây dựng đồng bộ. Hiện nay chưa hình thành hệ sinh thái số thống nhất cấp tỉnh phục vụ dạy và học tiếng Anh, bao gồm hệ thống quản lý học tập (LMS), ngân hàng học liệu số, ngân hàng câu hỏi - đề thi chuẩn hóa, hệ thống luyện tập và đánh giá toàn diện các kỹ năng ngoại ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói. Việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến trong dạy và học tiếng Anh còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả trong hỗ trợ cá thể hóa học tập và nâng cao chất lượng dạy học.

- Điều kiện tiếp cận hạ tầng mạng Internet và thiết bị học tập cá nhân của học sinh chưa đồng đều giữa các khu vực, đặc biệt tại vùng nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai các mô hình học tập trực tuyến, học tập kết hợp (blended learning) và các giải pháp ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ.

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển dạy và học tiếng Anh còn phân tán, chưa tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm có tính đột phá như phát triển đội ngũ giáo viên, xây dựng hệ sinh thái số, phát triển học liệu số và hình thành các mô hình trường học có môi trường sử dụng tiếng Anh. Công tác xã hội hóa giáo dục và huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, đối tác quốc tế trong hỗ trợ chuyên môn, công nghệ và tài chính cho hoạt động dạy và học ngoại ngữ còn hạn chế; nguồn lực huy động từ xã hội chưa tương xứng với nhu cầu thực tiễn. Cụ thể:

+ *Giáo dục mầm non*: Toàn tỉnh hiện có 2.591 phòng học mầm non, trong đó 84 phòng (3,2%) là phòng học ngoại ngữ riêng, còn lại 2.507 phòng (96,8%) là phòng học dùng chung. Các phòng học ngoại ngữ chủ yếu tập trung tại các cơ sở giáo dục mầm non ở khu vực thuận lợi; khu vực nông thôn, miền núi hầu như chưa có phòng học chuyên biệt phục vụ tổ chức các hoạt động làm quen với tiếng Anh cho trẻ.

+ *Giáo dục tiểu học*: Hiện nay, toàn tỉnh có 500 phòng học ngoại ngữ tại 665 cơ sở giáo dục có cấp tiểu học. Phần lớn các phòng học này được đầu tư từ nguồn Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025. Tuy nhiên, sau thời gian sử dụng, nhiều thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng hoặc không còn đáp ứng yêu cầu giảng dạy, trong khi việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa chưa được triển khai đồng bộ. Số lượng phòng học ngoại ngữ chuyên dụng còn thiếu so với nhu cầu tổ chức dạy học tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông.

c) *Giáo dục trung học*: Hệ thống phòng học ngoại ngữ còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Nhiều phòng học chưa được nâng cấp, bảo trì thường xuyên, dẫn đến thiết bị hoạt động kém hiệu quả. Cụ thể: Cấp THCS hiện có 135 phòng học ngoại ngữ tại 612 trường; Cấp THPT có 66 phòng học ngoại ngữ tại 137 trường. Phần lớn các phòng học này được đầu tư từ nguồn kinh phí của Đề án dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2017-2025, đến nay nhiều thiết bị đã hư hỏng, lạc hậu hoặc không còn phù hợp với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường.

d) *Giáo dục thường xuyên*: Các trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh hiện có 629 phòng học. Tuy nhiên, chưa có trung tâm nào bố trí phòng học ngoại ngữ chuyên biệt; việc giảng dạy tiếng Anh chủ yếu được tổ chức tại các phòng học dùng chung. Trang thiết bị phục vụ dạy và học ngoại ngữ còn thiếu và chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến hiệu quả tổ chức dạy học còn hạn chế.

đ) *Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học*: Các cơ sở GDNN, GDĐH trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được trang bị phòng học phục vụ giảng dạy ngoại ngữ, với 169 phòng tại các cơ sở giáo dục đại học và 89 phòng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, số lượng phòng học ngoại ngữ chuyên dụng và phòng thí nghiệm ngoại ngữ (language lab) còn hạn chế; học liệu phục vụ dạy học ngoại ngữ chưa phong phú, chủ yếu vẫn dựa vào giáo trình truyền thống, tài liệu số và học liệu trực tuyến còn ít. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm hỗ trợ dạy học ngoại ngữ chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ảnh hưởng đến hiệu quả đào tạo và khả năng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học.

II. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ, TIẾNG ANH NGOÀI NHÀ TRƯỜNG

Những năm gần đây, hệ thống trung tâm ngoại ngữ ngoài nhà trường trên địa bàn ba khu vực Vĩnh Phúc, Phú Thọ và Hòa Bình (trước đây) được thành lập và phát triển khá nhanh, trở thành kênh bổ trợ quan trọng cho việc dạy và học tiếng Anh trong nhà trường.

Hiện toàn tỉnh có 382 trung tâm ngoại ngữ tập trung chủ yếu ở các xã, phường trung tâm, khu vực đô thị và những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, có nhu cầu học ngoại ngữ lớn. Có một số trung tâm ngoại ngữ hoạt động theo mô hình chuỗi hoặc có nhiều cơ sở, được mở rộng từ các thương hiệu giáo dục ngoại ngữ lớn, góp phần mở rộng mạng lưới đào tạo ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh. Các trung tâm tổ chức giảng dạy 04 ngoại ngữ gồm: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật và tiếng Hàn. Trong đó, nhu cầu học tiếng Anh chiếm trên 80%.

Đối tượng học viên đa dạng, từ lứa tuổi mầm non đến người đi làm, số học viên là trẻ mầm non và học sinh tiểu học chiếm khoảng 70%. Năm 2025, tổng số lượt học viên tại các trung tâm đạt 30.517 lượt, trong đó tiếng Anh có hơn 22.000 lượt người học (chiếm tỷ lệ 72%), tiếng Trung có hơn 4.000 lượt người học (chiếm tỷ lệ 13%), tiếng Nhật Bản có hơn 1.400 lượt (chiếm 5%) và tiếng Hàn hơn 2.800 lượt (chiếm 10%).

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của các trung tâm cơ bản đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành, nhiều giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm quốc tế như IELTS, TOEIC, TESOL, TEFL, TOEFL CELTA,... Trong tổng số 798 giáo viên đang trực tiếp giảng dạy tại các trung tâm có 256 giáo viên nước ngoài đến từ các nước Anh, Mỹ, Philipin, Ghana, Nam Phi, Nigeria, Algeria, Nga, New Zealand, ... tham gia giảng dạy.

Các trung tâm triển khai nhiều chương trình đào tạo ngoại ngữ, chủ yếu gồm: chương trình tiếng Anh cho trẻ em và học sinh phổ thông; chương trình tiếng Anh giao tiếp; chương trình luyện thi các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế như IELTS, TOEIC, TOEFL; chương trình ngoại ngữ phục vụ nhu cầu du học, xuất khẩu lao động và việc làm. Phương pháp dạy học từng bước đổi mới theo hướng phát triển năng lực giao tiếp, tăng cường tương tác, hoạt động nhóm và ứng dụng công nghệ thông tin. Nhiều trung tâm đã đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ số và giáo trình quốc tế, triển khai lớp học trực tuyến hoặc mô hình học kết hợp,... góp phần đổi mới hình thức, phương pháp dạy học ngoại ngữ.

Nhìn chung, hệ thống các trung tâm ngoại ngữ ngoài nhà trường trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển về quy mô, đội ngũ và điều kiện dạy học. Kết quả và tác động nổi bật của các trung tâm ngoại ngữ đã bổ sung môi trường thực hành

ngoại ngữ, góp phần nâng cao năng lực giao tiếp và tiếp cận chuẩn quốc tế cho học sinh, hỗ trợ tích cực cho việc nâng cao kết quả học tập môn tiếng Anh và phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các nhà trường.

Tuy nhiên, hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ vẫn còn một số hạn chế như: chất lượng đào tạo giữa các trung tâm còn chênh lệch; chương trình và chuẩn đầu ra còn khác nhau; đội ngũ giáo viên chất lượng cao còn thiếu; mạng lưới trung tâm phân bố chưa đồng đều giữa các địa bàn; việc ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số trong dạy học tại một số trung tâm còn hạn chế; công tác quản lý, kiểm tra ở một số nơi chưa thường xuyên. Đồng thời, chi phí học tập tại một số trung tâm còn cao, dẫn đến sự chênh lệch cơ hội tiếp cận giữa học sinh các khu vực.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Mạng lưới cơ sở giáo dục được quy hoạch tương đối đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dạy và học ngoại ngữ trên phạm vi toàn tỉnh.

- Quy mô học sinh học tiếng Anh ngày càng tăng; chương trình dạy học được triển khai thống nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Một số cơ sở giáo dục đã chủ động đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động trải nghiệm và giao lưu ngoại ngữ. Hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ vẫn còn một số hạn chế, chủ yếu tập trung ở khu vực đô thị phát triển.

- Kết quả thi học sinh giỏi quốc gia và kết quả thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh của tỉnh đạt kết quả tích cực.

2. Hạn chế

- Đội ngũ giáo viên ngoại ngữ còn thiếu về số lượng, chưa đồng đều về năng lực và phân bố giữa các địa bàn.

- Chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong và ngoài nhà trường giữa các vùng còn chênh lệch.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu.

- Môi trường sử dụng tiếng Anh trong và ngoài nhà trường còn hạn chế; chưa hình thành hệ sinh thái học tập ngoại ngữ bền vững.

- Việc ứng dụng công nghệ số và xã hội hóa trong phát triển dạy và học ngoại ngữ chưa phát huy hiệu quả.

IV. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện kinh tế - xã hội giữa các vùng trong tỉnh còn chênh lệch, ảnh hưởng đến việc đầu tư cơ sở vật chất và tổ chức dạy học ngoại ngữ.

- Nguồn tuyển dụng giáo viên ngoại ngữ chất lượng cao còn hạn chế; cơ chế chính sách thu hút giáo viên chưa đủ mạnh.

- Chương trình, học liệu và mô hình dạy học bằng tiếng Anh trong các môn khoa học còn thiếu và chưa đồng bộ.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giáo viên ngoại ngữ chưa theo kịp nhu cầu thực tế.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngoại ngữ chưa được ưu tiên tập trung.

- Công tác chỉ đạo, tổ chức xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường chưa được triển khai đồng bộ.

- Việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển dạy và học ngoại ngữ còn hạn chế.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

1. Quan điểm chỉ đạo

a) Phát triển ngoại ngữ là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài và có tính đột phá, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của tỉnh; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó ngành giáo dục giữ vai trò nòng cốt.

b) Nâng cao toàn diện chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, đồng thời phát triển các ngoại ngữ khác phù hợp. Lấy năng lực sử dụng ngoại ngữ thực chất của người học làm thước đo, gắn với chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục ngoại ngữ công bằng giữa các vùng, tránh hình thức, chạy theo thành tích.

c) Phát triển ngoại ngữ phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ thu hút đầu tư, phát triển du lịch, công nghiệp, dịch vụ và hội nhập quốc tế; đồng thời góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

d) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và bền vững; triển khai có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; ưu tiên vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước thu hẹp khoảng cách về chất lượng dạy và học ngoại ngữ giữa các vùng.

2. Định hướng triển khai

a) Triển khai theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Phân tầng mục tiêu theo mức độ phát triển của cơ sở giáo dục (mức 1, 2, 3); ưu tiên thí điểm tại các cơ sở đủ điều kiện, đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng. Không triển khai cơ học, đồng loạt đối với những địa bàn còn khó khăn.

b) Lấy đội ngũ giáo viên làm khâu then chốt. Rà soát, đánh giá năng lực giáo viên theo chuẩn; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên gắn với nhu cầu thực tiễn. Đồng thời có cơ chế thu hút, đãi ngộ và giữ chân giáo viên giỏi, chính sách hỗ trợ giáo viên công tác tại vùng đặc biệt khó khăn; khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng nâng cao chuẩn nghề nghiệp.

c) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục ngoại ngữ. Ưu tiên đầu tư hạ tầng, thiết bị và học liệu cho khu vực miền núi, vùng đồng bào DTTS; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số nhằm khắc phục khoảng cách địa lý, mở rộng cơ hội tiếp cận học ngoại ngữ.

d) Phát triển ngoại ngữ theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Duy trì và từng bước mở rộng các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh tại những cơ sở đủ điều kiện; gắn đào tạo ngoại ngữ với nhu cầu doanh nghiệp, thị trường lao động và định hướng hợp tác quốc tế; bảo đảm triển khai có chọn lọc, hiệu quả và bền vững.

e) Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục ngoại ngữ; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo uy tín; phát triển môi trường sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường và cộng đồng.

f) Tăng cường quản lý, kiểm tra và giám sát. Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá theo từng giai đoạn; thực hiện công khai, minh bạch kết quả triển khai; kịp thời điều chỉnh mục tiêu và giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh, các ngoại ngữ khác bảo đảm đủ về số lượng, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông và dạy học tăng cường tiếng Anh. Xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt có khả năng giảng dạy theo chuẩn quốc tế, từng bước triển khai dạy học song ngữ tại các trường trọng điểm.

b) Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất dạy học ngoại ngữ, hoàn thiện, xây mới, nâng cấp, trang bị thiết bị đầy đủ cho phòng học ngoại ngữ, phòng học thông minh; bảo đảm điều kiện dạy học theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ số.

c) Nâng cao năng lực tiếng Anh của học sinh, bảo đảm 100% học sinh phổ thông học tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông; từng bước nâng cao tỷ lệ học sinh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ và chứng chỉ quốc tế.

d) Phát triển hệ sinh thái đào tạo ngoại ngữ ngoài nhà trường, duy trì và phát triển mở rộng hệ thống các trung tâm ngoại ngữ ngoài nhà trường, khuyến khích mô hình đào tạo chất lượng cao, liên kết quốc tế và ứng dụng công nghệ số, mở rộng môi trường học tập và sử dụng tiếng Anh.

đ) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, giai đoạn 2026-2035 từ ngân sách nhà nước kết hợp xã hội hóa và hợp tác quốc tế, tập trung cho phát triển đội ngũ giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ.

e) Định hướng đến năm 2045, hệ thống giáo dục của tỉnh hình thành nguồn nhân lực có năng lực sử dụng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác tự tin, hiệu quả trong học tập, lao động và giao tiếp quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 1 (2026- 2030)

a) Giáo dục mầm non

- 100% cơ sở giáo dục mầm non vùng thuận lợi và 30% cơ sở vùng đặc biệt khó khăn đủ điều kiện tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh; 10% cơ sở đạt Mức độ 1.

- Thí điểm cho trẻ làm quen với tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc tại các cơ sở có đủ điều kiện.

b) Giáo dục phổ thông

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1 theo chương trình và quy định của Bộ GD&ĐT.

- 20% cơ sở đạt Mức độ 1; 5% đạt Mức độ 2; 2% đạt Mức độ 3.

- Thí điểm chương trình làm quen tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc cho học sinh lớp 1, lớp 2 tại các cơ sở có nhu cầu và đủ điều kiện; duy trì và nâng cao chất lượng dạy các ngoại ngữ khác.

- 100% các trường THPT chuyên, THPT ở khu vực trung tâm, vùng thuận lợi và CSGD có điều kiện thí điểm tổ chức dạy học các môn Toán, KHTN, Công nghệ, Tin học bằng tiếng Anh. Khuyến khích các trường dạy môn KHXH bằng tiếng Anh.

- Xây dựng điểm 55 trường phổ thông dạy song ngữ (trong đó, trung học phổ thông: 30, trung học cơ sở: 15, tiểu học: 10).

c) Giáo dục thường xuyên

- 20% cơ sở đạt Mức độ 1; 5% đạt Mức độ 2.

- Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ (ngoại ngữ ASEAN và ngoại ngữ khác) phù hợp nhu cầu người học và thực tiễn địa phương.

d) Giáo dục nghề nghiệp

- 15% cơ sở đạt Mức độ 1; 5% đạt Mức độ 2.

- Xây dựng và triển khai chương trình dạy ngoại ngữ phục vụ đào tạo nghề.

- Đến năm 2030: thí điểm tiếng Anh chuyên ngành tại một số trường cao đẳng trọng điểm; từng bước triển khai dạy học một số môđun/ngành nghề bằng ngoại ngữ.

đ) Giáo dục đại học

- 20% cơ sở đạt Mức độ 1; 5% đạt Mức độ 2; 3% đạt Mức độ 3.

- Đến năm 2030, thí điểm giảng dạy một số học phần hoặc chương trình đào tạo bằng tiếng Anh tại các trường đại học thuộc tỉnh.

e) Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

- Tuyển dụng, bố trí đủ giáo viên ngoại ngữ, đặc biệt giáo viên tiếng Anh cho các cấp học. Tổng nhu cầu dự kiến là 923 giáo viên tiếng Anh, gồm: cấp mầm non 213 giáo viên, cấp TH 317 giáo viên; cấp THCS 170 giáo viên, cấp THPT 117 giáo viên và GDTX 106 giáo viên.

- Tham mưu cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, loại giỏi ngành sư phạm ngoại ngữ và giáo viên dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh về giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cho đội ngũ giáo viên ngoại ngữ. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực tiếng Anh cho giáo viên các môn học khác để bảo đảm đủ năng lực dạy học các môn học bằng tiếng Anh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở nước ngoài nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy theo chuẩn quốc tế.

- 100% giáo viên tiếng Anh phổ thông và GDTX đạt chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp. 95% giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (trong đó phần đầu 30-35% đạt chuẩn theo khung năng lực quốc tế).

- 10 - 15% giáo viên các môn Toán, KHTN, Tin học, Công nghệ đạt chuẩn năng lực tiếng Anh để thí điểm dạy môn học bằng tiếng Anh tại các trường có đủ điều kiện.

- 100% giáo viên tiếng Anh, giáo viên dạy học tích hợp (CLIL) được bồi dưỡng phương pháp giảng dạy bằng tiếng Anh.

- 100% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được bồi dưỡng về quản lý môi trường song ngữ và chuyên đổi số trong dạy học ngoại ngữ.

g) Điều kiện bảo đảm và môi trường song ngữ

- Đầu tư, nâng cấp, trang bị cơ sở vật chất bảo đảm điều kiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ số cho các cơ sở giáo dục; ưu tiên các cơ sở giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non vùng thuận lợi và 30% cơ sở vùng đặc biệt khó khăn triển khai chương trình làm quen tiếng Anh bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu theo quy định.

- 100% học sinh phổ thông được học tiếng Anh theo chương trình quy định, học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- 100% học viên học chương trình giáo dục thường xuyên được học môn Tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông.

- Tối thiểu 30% cơ sở giáo dục phổ thông và GDTX có phòng học ngoại ngữ/English Zone (không gian tiếng Anh) đạt chuẩn, kết nối nền tảng số và phần mềm dạy - học, kiểm tra - đánh giá tiếng Anh.

- Ít nhất 20% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có phòng học ngoại ngữ chuyên dụng, kết nối hệ thống học tập và đánh giá trực tuyến.

(có các phụ lục kèm theo)

2.2. Giai đoạn 2 (2030–2035)

a) Giáo dục mầm non

- 100% cơ sở giáo dục mầm non vùng thuận lợi, 50% cơ sở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn thường xuyên tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh.

- 70% cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn đảm bảo điều kiện triển khai tổ chức thực hiện hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh.

- 20% số cơ sở đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở đạt Mức độ 2.

- Nhân rộng hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Trung, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc trong các cơ sở giáo dục mầm non có đủ điều kiện.

b) Giáo dục phổ thông

- 30% cơ sở đạt Mức độ 1, 10% đạt Mức độ 2; 5% đạt Mức độ 3; hình thành mạng lưới trường chuẩn tiếng Anh (ESS) ở tất cả các vùng của tỉnh.

- Phần đầu 70% cơ sở có ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục được tổ chức bằng tiếng Anh (CLIL/immersion) ở mức độ phù hợp. Khuyến khích các trường dạy môn KHXH bằng tiếng Anh.

- Thí điểm triển khai việc dạy và học ngôn ngữ của một số quốc gia trong khu vực ASEAN tại các cơ sở giáo dục có nhu cầu và đủ điều kiện triển khai thực hiện.

- Tăng cường triển khai chương trình dạy ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ và nội dung, các môn học bằng ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện của địa phương, các cơ sở giáo dục. Tiếp tục nâng cao chất lượng việc dạy và học các ngoại ngữ khác.

c) Giáo dục thường xuyên

- 40% cơ sở (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở đạt Mức độ 2; 5% số cơ sở đạt Mức độ 3.

- Tiếp tục triển khai các chương trình dạy ngoại ngữ (ngôn ngữ của một số quốc gia trong khu vực ASEAN và các ngoại ngữ khác) bảo đảm đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp thực tiễn.

d) Giáo dục nghề nghiệp

- 35% cơ sở đạt Mức độ 1; 10% cơ sở đạt Mức độ 2; 5% cơ sở đạt Mức độ 3.

- Tiếp tục triển khai dạy các ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ và nội dung, dạy các môn học và ngành, nghề bằng ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Năm 2035: Tiếp tục triển khai dạy học tiếng Anh chuyên ngành; triển khai thí điểm dạy học một số môn học, học phần, môđun hoặc chương trình đào tạo bằng tiếng Anh đối với các ngành/ngành trọng điểm hoặc tại các trường cao đẳng trọng điểm/chất lượng cao thuộc tỉnh.

đ) Giáo dục đại học

- 30% cơ sở giáo dục đại học thuộc tỉnh (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1; 20% cơ sở đạt Mức độ 2; 5% cơ sở đạt Mức độ 3.

- Tiếp tục triển khai dạy các ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ và nội dung, dạy các môn học và ngành, nghề bằng ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Năm 2035: Triển khai diện rộng các ngành nghề dạy tiếng Anh chuyên ngành; tiếp tục phát triển

dạy học một số môn học, học phần hoặc chương trình đào tạo bằng tiếng Anh các trường đại học thuộc tỉnh.

e) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

- Tuyển dụng, bố trí đủ giáo viên ngoại ngữ, đặc biệt giáo viên tiếng Anh cho các cấp học.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, loại giỏi ngành sư phạm ngoại ngữ và giáo viên dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh về giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cho đội ngũ giáo viên ngoại ngữ; đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực tiếng Anh cho giáo viên các môn học khác để bảo đảm đủ năng lực dạy học các môn học bằng tiếng Anh.

- Đẩy mạnh triển khai chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở nước ngoài nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, năng lực sử dụng ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy theo chuẩn quốc tế.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non có giáo viên được bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động làm quen với tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình.

- Duy trì 100% giáo viên tiếng Anh các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, phần đầu 20% đạt trên chuẩn.

- 100% giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (trong đó phần đầu 35% - 45% đạt chuẩn theo khung năng lực quốc tế).

- Phần đầu 30% giáo viên môn Toán, KHTN, Tin học, Công nghệ đạt chuẩn năng lực tiếng Anh để dạy môn học bằng tiếng Anh tại các trường đủ điều kiện.

- 100% giáo viên tiếng Anh, giáo viên CLIL và cán bộ quản lý các trường phổ thông, giáo dục thường xuyên được bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật về chương trình, phương pháp, công nghệ và tiêu chuẩn Mức 1-2-3.

- Duy trì 100% giáo viên, giảng viên tiếng Anh và ngoại ngữ khác của các cơ sở GDNN, GDDH đạt chuẩn, trên chuẩn trình độ đào tạo; chuẩn năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

g) Điều kiện đảm bảo và môi trường song ngữ

- Tăng cường đầu tư, trang bị cơ sở vật chất bảo đảm điều kiện dạy và học ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế; ưu tiên cho các cơ sở giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

- 100% trường MN tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, môi trường tiếng Anh đúng quy định, phù hợp điều kiện thực tế.

- Tối thiểu 60% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có phòng học ngoại ngữ/English Zone đạt chuẩn, kết nối nền tảng số và phần mềm dạy - học, kiểm tra - đánh giá tiếng Anh;

- Ít nhất 35% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc tỉnh có phòng học ngoại ngữ chuyên dụng hiện đại, kết nối nền tảng chuyển đổi số và phần mềm học, kiểm tra, đánh giá tiếng Anh.

(Có các phụ lục kèm theo)

2.3. Giai đoạn 3 (2035-2045)

a) Giáo dục mầm non

- Đến năm 2040: 90% cơ sở bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh. Ít nhất 30% cơ sở đạt Mức độ 1; 15% đạt Mức độ 2 và 5% đạt Mức độ 3.

- Đến năm 2045: 100% cơ sở bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện việc cho trẻ em làm quen với tiếng Anh. Ít nhất 50% cơ sở đạt Mức độ 1; 20% đạt Mức độ 2 và 10% đạt Mức độ 3.

- Tiếp tục triển khai hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Trung, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc trong các cơ sở giáo dục mầm non đủ điều kiện.

b) Giáo dục phổ thông

- Đến năm 2040: Ít nhất 40% cơ sở đạt Mức độ 1; 15% đạt Mức độ 2 và 10% đạt Mức độ 3.

- Đến năm 2045: Ít nhất 50% cơ sở đạt Mức độ 1; 20% đạt Mức độ 2 và 15% đạt Mức độ 3.

- Tăng cường triển khai chương trình dạy các ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ và nội dung các môn học, trong đó có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc, ... đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và hội nhập quốc tế.

- Triển khai diện rộng các cơ sở giáo dục dạy môn KHTN và KHXH bằng tiếng Anh.

c) Giáo dục thường xuyên

- Đến năm 2040: Ít nhất 50% cơ sở (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 15% đạt Mức độ 2 và 10% đạt Mức độ 3.

- Đến năm 2045: Ít nhất 60% cơ sở (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 20% đạt Mức độ 2 và 15% đạt Mức độ 3.

- Tăng cường triển khai chương trình dạy các ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ và nội dung các môn học, trong đó có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc, ... đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và hội nhập quốc tế.

d) Giáo dục nghề nghiệp

- Đến năm 2040: Ít nhất 40% cơ sở thuộc tỉnh đạt Mức độ 1; phần đầu 15% đạt Mức độ 2 và 10% đạt Mức độ 3.

- Đến năm 2045: Ít nhất 50% cơ sở thuộc tỉnh đạt Mức độ 1; phần đầu 20% đạt Mức độ 2 và 15% đạt Mức độ 3.

- Tăng cường triển khai chương trình dạy các ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ và nội dung, các môn học và ngành, nghề bằng ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc và các ngoại ngữ khác đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và hội nhập quốc tế.

đ) Giáo dục đại học

- Đến năm 2040: Ít nhất 40% cơ sở thuộc tỉnh (ngoại trừ các giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1; 35% đạt Mức độ 2 và 15% đạt Mức độ 3.

- Đến năm 2045: Ít nhất 50% cơ sở thuộc tỉnh (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 2 và 25% đạt Mức độ 3.

- Tăng cường triển khai chương trình dạy các ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ và nội dung, các môn học và ngành, nghề bằng ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc và các ngoại ngữ khác đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và hội nhập quốc tế.

e) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

- Phần đầu 100% các cơ sở giáo dục có đủ giáo viên tiếng Anh.

- Phần đầu 30% giáo viên tiếng Anh các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp. 100% giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (trong đó phần đầu ít nhất 50% đạt chuẩn theo khung năng lực quốc tế).

- Phần đầu 60% giáo viên môn Toán, KHTN, Tin học, Công nghệ đạt chuẩn năng lực tiếng Anh để dạy môn học bằng tiếng Anh tại các trường đạt Mức 2-3.

- 100% giáo viên tiếng Anh, giáo viên CLIL và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bồi dưỡng thường

xuyên, cập nhật về chương trình, phương pháp, công nghệ giảng dạy ngoại ngữ, kiểm tra và đánh giá môn ngoại ngữ.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh và giáo viên giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh ở nước ngoài.

- Duy trì 100% giáo viên, giảng viên các cơ sở GDNN, GDĐH đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương. Đến năm 2045: Phân đầu có đội ngũ giảng viên đạt chuẩn năng lực tiếng Anh để dạy học tiếng Anh chuyên ngành và các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

g) Điều kiện đảm bảo và môi trường song ngữ

- Phân đầu 100% các cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và môi trường dạy và học ngoại ngữ.

- Phân đầu 100% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có đủ phòng học ngoại ngữ/English Zone đạt chuẩn, kết nối nền tảng số và phần mềm dạy - học, kiểm tra - đánh giá tiếng Anh;

- Hình thành hệ sinh thái tiếng Anh số cấp tỉnh: hệ thống LMS, ngân hàng học liệu mở, nền tảng luyện tập và khảo thí tiếng Anh chuẩn hóa, kết nối với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các nền tảng quốc gia.

- Phân đầu có ít nhất 50% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc tỉnh có phòng học ngoại ngữ chuyên dụng hiện đại, kết nối nền tảng chuyên đổi số và phần mềm học, kiểm tra, đánh giá tiếng Anh. Từ năm 2040: Triển khai đại trà giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành các cơ sở GDĐH, cơ sở GDNN; Phát triển giảng dạy chương trình đào tạo bằng tiếng Anh đối với ngành nghề phù hợp tại các cơ sở GDNN, GDĐH thuộc tỉnh. Tăng cường giáo viên, giảng viên người nước ngoài giảng dạy tiếng Anh, các môn học/học phần tại các cơ sở đào tạo.

(Có các phụ lục kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vai trò của ngoại ngữ; xây dựng môi trường dạy và học, sử dụng tiếng nước ngoài, dạy và học bằng tiếng nước ngoài

- Phát triển ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, phải được xác định là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, có ý nghĩa nền tảng trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực hội nhập và sức cạnh tranh của tỉnh trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; đưa mục tiêu phát triển ngoại ngữ vào chương trình, kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội hằng năm và trung hạn. Gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả thực hiện Đề án.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông tổng thể theo từng giai đoạn, bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng: cán bộ quản lý, giáo viên, người học, cha mẹ học sinh, doanh nghiệp và cộng đồng. Nội dung truyền thông phải làm rõ ý nghĩa thiết thực của việc học ngoại ngữ đối với cơ hội việc làm, thu nhập, tiếp cận tri thức và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh truyền thông đa nền tảng; phát hiện, nhân rộng mô hình hay, cách làm hiệu quả; lan tỏa các tấm gương điển hình, đặc biệt tại khu vực miền núi, vùng đồng bào DTTS, qua đó tạo niềm tin và động lực học tập trong xã hội.

- Chú trọng hình thành môi trường sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường và cộng đồng theo hướng tự nhiên, thiết thực, gắn với hoạt động học tập, giao lưu văn hóa, du lịch, dịch vụ; khắc phục tình trạng hình thức, chạy theo phong trào.

2. Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách mang tính đột phá

a) Đột phá về tuyển dụng, thu hút và phát triển đội ngũ giáo viên.

- Đổi mới cơ chế tuyển dụng, cho phép tuyển dụng giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh theo hình thức linh hoạt, rút ngắn quy trình, ưu tiên sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, giỏi, khá tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

- Ban hành chính sách thu hút giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh chất lượng cao, như hỗ trợ ban đầu khi tuyển dụng, hỗ trợ nhà ở hoặc phụ cấp đặc thù đối với giáo viên công tác tại khu vực miền núi, vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên, đặc biệt năng lực ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy hiện đại và khả năng giảng dạy song ngữ. Tăng cường liên kết với các trường đại học, tổ chức quốc tế để tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao, bảo đảm đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy tiếng Anh theo chuẩn quốc tế.

- Từng bước xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt, có khả năng dạy học một số môn bằng tiếng Anh tại các trường trọng điểm.

b) Đột phá về đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ngoại ngữ

- Đầu tư đồng bộ hệ thống phòng học ngoại ngữ, phòng học thông minh đạt chuẩn; trang bị thiết bị nghe-nhìn, bảng tương tác, phần mềm dạy học và học liệu số. Ưu tiên đầu tư phòng học, thiết bị và hạ tầng internet cho các trường vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào DTTS; từng bước hình thành các trung tâm học ngoại ngữ dùng chung cấp xã hoặc cụm trường.

- Xây dựng nền tảng học tập ngoại ngữ số dùng chung, tích hợp kho học liệu điện tử, bài giảng số, tài nguyên mở và hệ thống kiểm tra, đánh giá theo chuẩn năng lực. Từng bước ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ dạy học, quản lý tiến độ học tập và cá nhân hóa lộ trình học tập của người học.

c) Đột phá về phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, bảo đảm phát triển toàn diện năng lực giao tiếp, tư duy và kỹ năng vận dụng trong tình huống thực tiễn. Triển khai có chọn lọc các lớp tăng cường, lớp song ngữ tại những cơ sở đủ điều kiện; phát triển môi trường học tập và sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường.

- Đổi mới nội dung và hình thức kiểm tra - đánh giá theo hướng chuyển mạnh từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực sử dụng ngoại ngữ theo bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Chuẩn hóa kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tiệm cận Khung tham chiếu châu Âu (CEFR).

- Ứng dụng công nghệ trong dạy học và đánh giá, sử dụng các nền tảng số, phần mềm hỗ trợ dạy học ngoại ngữ, đặc biệt trong luyện nghe - nói và tương tác trực tuyến. Triển khai các hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến, chấm thi tự động, phân tích dữ liệu học tập và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ cá thể hóa học tập và đánh giá năng lực người học.

d) Đột phá về chính sách hỗ trợ và khuyến khích học sinh, giáo viên

- Ban hành chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với giáo viên, học sinh đạt các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL, Cambridge...) hoặc học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

- Xây dựng quỹ học bổng ngoại ngữ của tỉnh, hỗ trợ học sinh có năng lực ngoại ngữ xuất sắc tham gia các chương trình đào tạo, trao đổi học tập tại nước ngoài.

- Khuyến khích giáo viên, học sinh tham gia các chương trình giao lưu quốc tế, trại hè tiếng Anh, các cuộc thi và hoạt động học thuật bằng tiếng Anh, góp phần hình thành môi trường sử dụng ngoại ngữ trong học tập và sinh hoạt.

đ) Đột phá về thu hút và phát triển hệ sinh thái đào tạo ngoại ngữ, góp phần mở rộng môi trường học tập và thực hành tiếng Anh

- Hình thành hệ sinh thái học tập ngoại ngữ kết nối giữa nhà trường - gia đình - xã hội - doanh nghiệp. Tăng cường môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường và cộng đồng.

- Xây dựng mô hình trường điển hình về “đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường học” và nhân rộng triển khai trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Đề án.

- Khuyến khích đầu tư phát triển các trung tâm ngoại ngữ chất lượng cao, có liên kết với các tổ chức giáo dục quốc tế và áp dụng chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế.

- Thu hút các cơ sở giáo dục quốc tế, trường song ngữ hoặc chương trình giáo dục tích hợp quốc tế đầu tư và hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và các trung tâm ngoại ngữ, đặc biệt trong bồi dưỡng học sinh giỏi, đào tạo kỹ năng giao tiếp và luyện thi các chứng chỉ quốc tế.

- Khuyến khích phát triển mô hình học ngoại ngữ kết hợp trực tuyến và trực tiếp, mở rộng cơ hội học tập cho học sinh ở khu vực nông thôn, miền núi.

3. Tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác công - tư

- Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công- tư trong phát triển hạ tầng, học liệu và công nghệ dạy học ngoại ngữ; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức quốc tế tham gia cung cấp giải pháp, dịch vụ giáo dục với chi phí hợp lý.

- Chủ động thu hút các nguồn viện trợ, tài trợ hợp pháp; khuyến khích các cơ sở giáo dục xây dựng mô hình hợp tác linh hoạt, hiệu quả.

- Gắn hoạt động đào tạo ngoại ngữ với nhu cầu doanh nghiệp, khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ và xuất khẩu lao động, góp phần nâng cao khả năng ứng dụng ngoại ngữ trong học tập và việc làm.

4. Nâng cao hiệu lực chỉ đạo, quản lý và giám sát thực hiện

- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án theo lộ trình; kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và cơ sở giáo dục.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện.

- Chú trọng phong trào thi đua, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích; đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa bệnh thành tích, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ và hiệu quả.

Phần thứ tư

LỘ TRÌNH – TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Đề án được phân kỳ thực hiện theo 03 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (2026- 2030): Chuẩn bị điều kiện bảo đảm; tổ chức thí điểm tại các cơ sở giáo dục có điều kiện thuận lợi, hoàn thiện mô hình và đạt các tiêu chí bước đầu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Giai đoạn 2 (2030- 2035): Mở rộng phạm vi triển khai, nâng cao chất lượng và tăng số cơ sở đạt các Mức độ 1, 2, 3.

3. Giai đoạn 3 (2035- 2045): Triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, hoàn thiện hệ sinh thái giáo dục ngoại ngữ và bảo đảm đạt các mục tiêu Đề án.

(Định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá, tổ chức đánh giá giữa kỳ và tổng kết từng giai đoạn, kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp).

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí dự kiến huy động giai đoạn 2026- 2035 *(dự kiến)* là 2.999.741 triệu đồng; trong đó Giai đoạn 2026-2030: 1.362.203 triệu đồng; Giai đoạn 2030-2035: 1.637.538 triệu đồng *(có phụ lục kèm theo)*.

2. Về nguồn vốn huy động

- Ngân sách nhà nước: Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên và chi đầu tư) được bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành. Các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm tham mưu cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định.

- Nguồn vốn lồng ghép: Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình giáo dục có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nguồn xã hội hóa: Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu hợp pháp khác: Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực của Đề án, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện, có nhiệm vụ:

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án theo từng giai đoạn và hằng năm; hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với từng cấp học.

- Rà soát, đánh giá năng lực ngoại ngữ của đội ngũ; tham mưu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí và sử dụng giáo viên ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án.

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn lực tài chính và lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Đề án.

- Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ giáo viên ngoại ngữ, giáo viên dạy học bằng tiếng Anh và cán bộ quản lý giáo dục tham gia triển khai Đề án; đề xuất cơ chế thu hút giáo viên, chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, mở rộng liên kết với các tổ chức giáo dục quốc tế nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về phát triển ngoại ngữ; tham mưu biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong triển khai Đề án.

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách. Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Phối hợp nghiên cứu, đề xuất cơ chế huy động và lồng ghép các nguồn lực tài chính hợp pháp phục vụ triển khai Đề án.

3. Sở Nội vụ: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh rà soát, bố trí vị trí việc làm và biên chế giáo viên ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định. Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tham mưu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển dạy học ngoại ngữ. Phối hợp phát triển học liệu số, nền tảng học tập số và các ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phục vụ dạy và học ngoại ngữ.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, du lịch, sự kiện cộng đồng có sử dụng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác, tạo môi trường thực hành ngoại ngữ cho người học. Hỗ trợ các cơ sở giáo dục xây dựng nội dung giáo dục địa phương bằng tiếng Anh gắn với di sản văn hóa và du lịch Đất Tổ.

6. Sở Ngoại vụ: Chủ trì tham mưu mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phối hợp kết nối, thu hút chuyên gia, giáo viên nước ngoài tham gia giảng dạy, hỗ trợ chuyên môn tại các cơ sở giáo dục.

7. Trường Đại học Hùng Vương: Thực hiện đào tạo giáo viên ngoại ngữ theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao hằng năm (gắn với thực hiện đề án); nâng cao năng lực tiếng Anh của sinh viên các ngành sư phạm hướng đến giảng dạy các môn chuyên môn bằng tiếng Anh sau khi tốt nghiệp. Phối hợp với Sở GD&ĐT trong triển khai các nhiệm vụ của Đề án (xây dựng học liệu; đào tạo, bồi dưỡng năng

lực giáo viên; kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ; tổ chức cho giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài...) theo lộ trình của Đề án.

8. Các Sở, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Đề án, đồng thời tham gia kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

9. UBND xã, phường

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại địa phương theo phân cấp; chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Phối hợp rà soát nhu cầu đội ngũ giáo viên, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngoại ngữ.

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ phát triển môi trường học tập ngoại ngữ.

- Theo dõi, kiểm tra việc triển khai Đề án tại các cơ sở giáo dục; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và báo cáo UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo để kịp thời giải quyết.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số: 1064/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026–2035, định hướng đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở GD&ĐT	Các sở, ban, ngành	Quý I năm 2026
2	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và xã hội về vai trò của ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh trong giáo dục, hội nhập quốc tế và phát triển nguồn nhân lực	Sở GD&ĐT	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và PT, TH Phú Thọ, UBND xã/phường	Thường xuyên
3	Kế hoạch, lộ trình triển khai Đề án trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành liên quan; UBND xã/phường	Quý II năm 2026
4	Rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình, học liệu, tài liệu dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông và các chương trình đào tạo	Sở GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục, Các trường đại học, cao đẳng, cơ sở GDNN	Trong năm 2026
5	Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Đề án theo từng giai đoạn	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành liên quan	Trong năm 2026
6	Kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy cho giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, Trường ĐH Hùng Vương, các cơ sở đào tạo giáo viên	Giai đoạn 2026–2035
7	Rà soát, bố trí vị trí việc làm và biên chế giáo viên ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục công lập	Sở Nội vụ	Sở GD&ĐT, UBND xã/phường	Giai đoạn 2026–2035
8	Tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục về quản lý môi trường song ngữ, quản lý dạy học ngoại ngữ và chuyển đổi số trong giáo dục	Sở GD&ĐT	Các cơ sở đào tạo, các tổ chức giáo dục	Giai đoạn 2026–2035

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng học ngoại ngữ, trang thiết bị dạy học phục vụ dạy và học tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, các cơ sở giáo dục, UBND xã/phường	Giai đoạn 2026–2035
10	Kế hoạch xây dựng và phát triển hệ sinh thái số phục vụ dạy và học tiếng Anh (hệ thống LMS, ngân hàng học liệu số, nền tảng luyện tập và đánh giá trực tuyến)	Sở GD&ĐT	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp công nghệ	Giai đoạn 2026–2035
11	Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường thông qua câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, giao lưu quốc tế và không gian tiếng Anh (English Zone)	Sở GD&ĐT	Sở Ngoại vụ, Sở VH,TT&DL, các cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục	Giai đoạn 2026–2035
12	Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, du lịch, sự kiện cộng đồng có sử dụng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác. Hỗ trợ các CSGD xây dựng nội dung giáo dục địa phương bằng tiếng Anh gắn với di sản văn hóa và du lịch Đất Tổ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở GD&ĐT, các sở, ngành liên quan, các cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2026–2030
13	Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; từng bước triển khai giảng dạy một số học phần, chương trình đào tạo bằng tiếng Anh	Sở GD&ĐT	Các trường đại học, cao đẳng, cơ sở GDNN	Giai đoạn 2026–2035
14	Đẩy mạnh xã hội hóa, củng cố và phát triển các trung tâm ngoại ngữ ngoài nhà trường; huy động nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia đầu tư phát triển dạy và học ngoại ngữ	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Giai đoạn 2026–2035
15	Tăng cường hợp tác quốc tế; thu hút chuyên gia, giáo viên nước ngoài tham gia giảng dạy ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục	Sở Ngoại vụ	Sở GD&ĐT, các cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2026–2035
16	Xây dựng và triển khai các mô hình tăng cường tiếng Anh; thí điểm dạy học một số môn KHTN, KHXH bằng tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục	Sở GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2026–2035
17	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ; sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án và báo cáo UBND tỉnh	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành; UBND xã/phường	Hàng năm, giai đoạn